

Số: /TB-UBND

An Giang, ngày tháng năm 2026

## THÔNG BÁO

### Về việc công bố các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong năm 2026 tỉnh An Giang

Căn cứ Chương trình công tác số 02-CTr/BCĐTW ngày 02/02/2026 của Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thông báo lựa chọn, công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh như sau:

1. Danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh (*Phụ lục 1*).

2. Danh mục các bài toán lớn ưu tiên tổ chức đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (*Phụ lục 2*).

Trên đây là các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh An Giang. Các bài toán lớn của tỉnh sẽ được thường xuyên rà soát, chọn lựa và tiếp tục công bố theo quy định.

(*Thông báo này thay thế Thông báo số 179/TB-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh An Giang*).

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng KGVX;
- Lưu VT, ntgiang.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Phong**

## PHỤ LỤC 1

**Danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**  
(Đính kèm Thông báo số \_\_\_\_\_ /TB-UBND ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm 2026 của UBND tỉnh An Giang)

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt	Đơn vị chủ trì đề xuất
1	Xây dựng mô hình y tế thông minh bằng giải pháp quản lý cơ sở dữ liệu y tế tập trung và ứng dụng bệnh án điện tử tại các cơ sở y tế kết hợp với AI trong chăm sóc sức khỏe người dân tại tỉnh An Giang	<ul style="list-style-type: none"><li>- Căn cứ Quyết định số 2955/QĐ-BYT ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số y tế thực hiện chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.</li><li>- Căn cứ Kế hoạch số 199/KH-UBND ngày 17/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án 06 năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;</li><li>- Căn cứ Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Cải cách thủ tục hành chính trong khám, chữa bệnh: Giảm ghi chép cho cán bộ, nhân viên y tế (các chỉ định cận lâm sàng phải được ký nhiều lần từ lúc chỉ định, duyệt kết quả, trả kết quả cho người bệnh) và các giấy tờ này lập đi lập lại nhiều lần nên mất rất nhiều thời gian trong khám và điều trị. Giảm việc in ấn các mẫu chỉ định cận lâm sàng, chỉ định thuốc với số lượng lớn gây lãng phí giấy mực và tăng cao khả năng ô nhiễm môi trường. Giảm thời gian, chi phí cho người bệnh khi tham gia khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế.</li><li>- Xây dựng kho dữ liệu y tế tập trung cấp tỉnh, đồng bộ với dữ liệu dân cư quốc gia. Tăng cường khả năng chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở y</li></ul>	Sở Y tế

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt	Đơn vị chủ trì đề xuất
		phủ. - Và các quy định có liên quan <sup>1</sup> .	tế trong tỉnh và ngoài tỉnh, giữa các tuyến y tế cơ bản và chuyên sâu. - Triển khai AI và công tác khám, chữa bệnh và dự phòng: đưa ra các khuyến cáo về phác đồ điều trị, theo dõi đáp ứng điều trị của bệnh nhân; Hỗ trợ bệnh nhân tự quản lý bệnh tật, theo dõi các chỉ số sức khỏe tại nhà; Phân tích dữ liệu lớn để phát hiện các yếu tố nguy cơ, dự đoán dịch bệnh và phát triển các phương pháp	

<sup>1</sup> Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030; Nghị quyết số 157-NQ/BCSĐ ngày 03/02/2023 của Ban cán sự Đảng Bộ Y tế về chuyển đổi số y tế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1710/QĐ-BYT ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành kế hoạch hành động của Bộ Y tế thực hiện Nghị quyết số 157NQ/BCSĐ; Quyết định số 1928/QĐ-BYT ngày 21/4/2023 ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Y tế phiên bản 2.1; Quyết định số 4888/QĐ-BYT ngày 18/10/2019 của Bộ Y tế về việc Phê duyệt Đề án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh giai đoạn 2019-2025; Quyết định số 5316/QĐ-BYT ngày 22/12/2020 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Chương trình chuyển đổi số y tế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Công văn số 755/TTYTQG-DVCĐS ngày 25/10/2024 của Trung tâm thông tin Y tế quốc gia, về việc hướng dẫn xây dựng kho dữ liệu y tế tại địa phương; Công văn số 1366/BYT-K2ĐT ngày 12/3/2025 của Bộ Y tế về việc đẩy mạnh chuyển đổi số và triển khai Đề án 06 tại các cơ quan, đơn vị trong ngành y tế; Thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế quy định về hồ sơ bệnh án điện tử; Quyết định số 1150/QĐ-BYT ngày 03/4/2025 của Bộ Y tế về phê duyệt Kế hoạch triển khai bệnh án điện tử; Quyết định số 1362/QĐ-BYT ngày 22/4/2025 của Bộ Y tế về Phê duyệt Kế hoạch triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 của Bộ Y tế năm 2025; Công văn số 1463/BYT-K2ĐT ngày 14/3/2025 của Bộ Y tế về việc triển khai hồ sơ bệnh án điện tử và thí điểm Hệ thống điều phối dữ liệu y tế; Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh An Giang, phiên bản 2.0; Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về Chương trình chuyển đổi số tỉnh An Giang giai đoạn 2020 – 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 298/KH-UBND ngày 04/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh về triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 tại tỉnh An Giang.

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt	Đơn vị chủ trì đề xuất
			<p>điều trị mới.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dân có thể quản lý thông tin sức khỏe trên nền tảng định danh số VNeID. Phát triển chăm sóc sức khỏe cá nhân hóa dựa trên dữ liệu lớn.</li> </ul>	
2	<p>Xây dựng dữ liệu lớn toàn ngành giáo dục gắn với cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia, đảm bảo dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống” và “liên thông” trong công tác quản trị ngành giáo dục. Nhu cầu hiện nay là mỗi nhân sự, mỗi người học trong ngành được cập nhật thông tin liên tục lên cơ sở dữ liệu dân cư, và khai thác thông tin từ dữ liệu dân cư để làm thủ tục tham gia các hoạt động học tập, công tác, học tập suốt đời</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục: Cơ sở dữ liệu giúp số hóa thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, giảng dạy và học tập trong thời đại công nghệ.</li> <li>- Nâng cao năng lực, hiệu quả trong công tác quản lý giáo dục tại các địa phương. Đồng thời thúc đẩy chuyển đổi số trong quản trị, quản lý giáo dục và đào tạo, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kho dữ liệu ngành giáo dục tỉnh An Giang;</li> <li>- Trục tổng hợp, phân tích dữ liệu GDĐT cấp tỉnh vận hành liên tục; kết nối liên thông với các hệ thống khai thác thông tin quản lý, điều hành của tỉnh và Bộ GDĐT.</li> <li>- Chuẩn hóa dữ liệu để kết nối, khai thác thông tin gắn với công dân đã được định danh từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; cung cấp thông tin điều hành bằng thời gian thực và định kỳ kết chuyển báo cáo thống kê đồng bộ với Bộ GDĐT phục vụ cho công tác chuyên môn; bổ sung thông tin, hồ sơ học vấn của cá nhân học sinh sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tham gia các hoạt động xã hội, nghề nghiệp của công dân trong tương lai.</li> </ul>	<p>Sở Giáo dục và Đào tạo</p>

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt	Đơn vị chủ trì đề xuất
3	Hoàn thiện và đưa vào vận hành, khai thác Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp tỉnh An Giang, Hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh An Giang; ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu để phục vụ doanh nghiệp và nhân dân trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.	Chương trình Chuyển đổi số quốc gia (Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020); Chương trình Chuyển đổi số của tỉnh; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế tư nhân theo Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị.	Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp tỉnh An Giang, Hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh An Giang được hoàn thiện và đưa vào vận hành, khai thác sử dụng; và có tích hợp các công cụ AI cần thiết để nâng cao hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
4	Đẩy mạnh công nghiệp chế biến nông sản, chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm, sản phẩm giá trị gia tăng gắn với xây dựng nhãn hiệu An Giang; ưu tiên đối với các sản phẩm chủ lực (lúa gạo, thủy sản, cây ăn trái và rau màu) và nhóm	Các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển công nghiệp chế biến nông sản đã được bao gồm trong Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030; Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050,... với mục tiêu chung	Phát triển công nghiệp chế biến nông sản hiện đại, đáp ứng nhu cầu thị trường tiêu thụ trong nước và quốc tế, đưa sản phẩm từ nông sản tỉnh An Giang đạt chất lượng, đủ năng lực cạnh tranh với hàng ngoại và hội nhập chuỗi giá trị nông sản toàn cầu; góp phần thực hiện mục tiêu phấn đấu đến năm 2030, Việt Nam trở thành trung tâm chế biến nông sản và đứng trong top 10 nước hàng đầu thế giới. Tăng tỉ lệ sản lượng nông sản An Giang được sơ chế, bảo quản, chế	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt	Đơn vị chủ trì đề xuất
	ngành tiềm năng (được liệt, chăn nuôi).	<p>“Đến năm 2050, An Giang là một trong những trung tâm công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm của vùng ĐBSCL, dựa trên nền tảng sản xuất nông thủy sản hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số; phát triển nền nông nghiệp xanh, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm ô nhiễm môi trường trong sản xuất nông nghiệp và nông thôn.</p> <p>Theo Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (đã được phê duyệt tại Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ), ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản và ngành công nghiệp được xác định là 02 trong số 03 ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.</p> <p>Đồng thời, đẩy mạnh công nghiệp chế biến nông sản, chế biến sâu, đa dạng hoá sản phẩm, sản phẩm giá trị gia tăng gắn với xây dựng nhãn hiệu An Giang là phù hợp với quan điểm, mục tiêu về phát triển</p>	<p>biến thành các dạng sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Hoàn chỉnh Danh mục các dự án mời gọi đầu tư về công nghiệp chế biến nông sản đã có rà soát hiệu chỉnh bổ sung theo các quy định hiện hành, bao gồm các cơ chế ưu đãi có tính đặc thù; và mời gọi các doanh nghiệp đầu tư nhà máy chế biến xuất khẩu nông sản hoặc mở rộng quy mô hiện có. Xây dựng và phát triển từ 03 vùng nguyên liệu nông sản chất lượng cao ở quy mô hàng hóa gắn với các cụm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm có năng lực đáp ứng thị trường nội địa và xuất khẩu. Xây dựng và đưa vào áp dụng các gói hỗ trợ tài chính, kỹ thuật, thị trường tập trung vào chuyển giao quy trình, kỹ thuật, dây chuyền sản xuất, trang thiết bị công nghệ cao, công nghệ mới nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp sơ chế, bảo quản, chế biến nông sản, xuất khẩu nông sản nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm theo nhu cầu thị trường và mở rộng thị trường. Xây dựng được 01 bộ sản phẩm mẫu từ nông sản chủ lực và tiềm năng của An Giang phục vụ công tác quảng bá xúc tiến thương mại, hợp tác</p>	

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt	Đơn vị chủ trì đề xuất
		khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.	đầu tư, chuyển giao khoa học và công nghệ.	
5	Bảo vệ tài nguyên rừng (đặc biệt là các Rừng Quốc gia U Minh Thượng, Phú Quốc, rừng phòng hộ Hòn Đất....), biển đảo và đất nông nghiệp trước nguy cơ nước biển dâng, xâm nhập mặn và suy giảm đa dạng sinh học.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 5, Mục III – Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.</li> <li>- Điểm a, Khoản 3, Mục II Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng hệ thống đê biển và cống ngăn mặn hiện đại, linh hoạt để bảo vệ khu vực sản xuất nông nghiệp.</li> <li>- Đầu tư nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tái tạo đất phèn, đất mặn để tăng diện tích canh tác.</li> <li>- Bảo tồn rừng quốc gia Phú Quốc và U Minh Thượng..., kết hợp phát triển du lịch sinh thái để vừa bảo vệ môi trường vừa tạo nguồn thu, bảo vệ đa dạng sinh học...</li> </ul>	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Chuyển đổi từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp công nghệ cao, gắn với chuỗi giá trị toàn cầu, đặc biệt với các	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 6, Mục III – Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.</li> <li>- Điểm d, Khoản 6, Mục II Nghị quyết số</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng công nghệ IoT, AI trong sản xuất lúa gạo và nuôi trồng thủy sản để tăng năng suất, giảm chi phí.</li> <li>- Xây dựng thương hiệu nước mắm Phú Quốc</li> </ul>	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt	Đơn vị chủ trì đề xuất
	sản phẩm chủ lực như lúa gạo, thủy sản và nước mắm	71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ	<p>đạt chuẩn quốc tế, mở rộng thị trường xuất khẩu sang châu Âu, Mỹ.</p> <p>- Phát triển các vùng chuyên canh cây ăn trái (xoài, sầu riêng) theo hướng hữu cơ, đáp ứng nhu cầu thị trường cao cấp.</p>	
7	Phát triển du lịch, gắn với đặc sản vùng miền, hỗ trợ người dân ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử trong phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế số.	<p>Thực hiện đẩy mạnh triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia (theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ), Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 (theo Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ), Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ), Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 30/05/2023 của Thủ tướng Chính phủ: Về đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, chống thất thu thuế,</p>	<p>- Xây dựng hệ sinh thái du lịch số thông minh tại An Giang (App VnEtrip, sàn TMĐT Numbala).</p> <p>- Gắn kết phát triển du lịch với phát triển sản phẩm OCOP, kinh tế số hộ gia đình.</p> <p>- Ứng dụng hệ thống tra cứu, truy xuất nguồn gốc và xác thực hàng hoá trên nền tảng GCheck do GTEL CDS nhằm phục vụ xác thực thông tin hàng hoá, chủ thể sản xuất/phân phối hàng hoá, tem điện tử truy xuất nguồn gốc, chống hàng giả/hàng nhái,...</p> <p>- Đẩy nhanh lộ trình thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực thương mại, giao dịch thương mại điện tử hàng hoá; tăng cường truyền thông để nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, cách thức thanh toán mua hàng, dịch vụ liên quan đến thương mại điện tử, qua đó nâng cao khả năng tiếp cận các sản phẩm, dịch</p>	Sở Công Thương

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt	Đơn vị chủ trì đề xuất
		<p>bảo đảm an ninh tiền tệ.</p> <p>Căn cứ Thỏa thuận hợp tác giữa Tổng công ty Công nghệ - Viễn thông Toàn Cầu và Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ngày 25/02/2025 trong việc triển khai các hoạt động ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ triển khai các mô hình điểm của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2025 – 2030.</p>	vụ khác.	
8	<p>Triển khai nền tảng quản trị dùng chung cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang; hỗ trợ trợ lý ảo trí tuệ nhân tạo (AI chatbot) có khả năng triển khai các tác nhân trí tuệ nhân tạo (AI Agent) để tự động hóa công việc; kết nối và xác thực với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và liên thông với hệ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao dịch điện tử năm 2023.</li> <li>- Luật Căn cước công dân năm 2023.</li> <li>- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.</li> <li>- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng nền tảng quản trị dùng chung cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.</li> <li>- Triển khai Trợ lý ảo trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ tự động hóa công việc phục vụ cho cán bộ, công chức, viên chức.</li> <li>- Kết nối, chia sẻ, xác thực thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin.</li> </ul>	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt	Đơn vị chủ trì đề xuất
	thống thông tin khác theo quy định của pháp luật.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ Phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia.</li> <li>- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.</li> <li>- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.</li> <li>- Căn cứ Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ.</li> </ul>		
9	Nâng cao hiệu lực quản trị, hiệu quả điều hành của các cấp chính quyền; thực hiện chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước trực tuyến, dựa trên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 1, Mục III – Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.</li> <li>- Điểm d, khoản 5, mục II, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng Trung tâm điều hành đô thị thông minh (IOC).</li> <li>- Hệ thống thông tin báo cáo, dashboard điều hành cho lãnh đạo, Chuẩn hóa dữ liệu đầu vào; xây dựng quy trình cập nhật, khai thác dữ liệu theo thời gian thực. Thúc đẩy liên thông, chia</li> </ul>	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt	Đơn vị chủ trì đề xuất
	dữ liệu.	phủ.	sẽ dữ liệu giữa các ngành, lĩnh vực. Thực hiện “một nguồn dữ liệu dùng chung”, tránh trùng lặp, manh mún.	
10	Phát triển nguồn nhân lực số và xây dựng hệ sinh thái giáo dục nghề nghiệp thông minh, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số và xã hội số	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu từ thực tiễn: Chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là kỹ năng số và tay nghề cao, vẫn là một điểm yếu của lao động tỉnh nhà, chưa đáp ứng kịp yêu cầu của doanh nghiệp và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.</li> <li>- Chủ trương của Đảng và Nhà nước: Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị xác định phát triển khoa học công nghệ phải gắn liền với đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.</li> <li>- Định hướng của tỉnh: Kế hoạch số 132/KH-UBND của tỉnh nhấn mạnh việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là trong các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao và du lịch.</li> <li>- Chiến lược phát triển nhà trường: Trường Cao đẳng nghề An Giang đang thực hiện Đề án Chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025 với mục tiêu xây dựng mô</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai áp dụng Khung năng lực số theo chuẩn quốc gia vào tất cả các chương trình đào tạo, đảm bảo 100% học sinh, sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng số cơ bản. Nội dung này bao gồm khả năng khai thác dữ liệu, giao tiếp trong môi trường số, sáng tạo nội dung số, an toàn số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.</li> <li>- Xây dựng hệ thống quản lý nhà trường trên nền tảng số, số hóa 100% hồ sơ công việc, quản lý nhân sự, tài chính, tài sản, hướng tới mô hình “chính quyền điện tử cấp trường”.</li> <li>- Phát triển kho học liệu số, bài giảng e-learning, phần mềm mô phỏng, thư viện điện tử. Áp dụng phương pháp đào tạo kết hợp (blended learning) và học tập thích ứng (adaptive learning) để cá nhân hóa lộ trình học tập.</li> <li>- Thiết lập một hệ sinh thái đổi mới sáng tạo giữa nhà trường, doanh nghiệp và các cơ quan</li> </ul>	Trường Cao đẳng nghề An Giang

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt	Đơn vị chủ trì đề xuất
		<p>hình trường học thông minh, nâng cao năng lực số cho cả giảng viên và người học, góp phần cung ứng lao động chất lượng cao cho tỉnh và khu vực.</p>	<p>quản lý.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành lập Trung tâm chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo tại trường, đóng vai trò là cầu nối giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận công nghệ mới, nâng cao năng suất lao động.</li> <li>- Nguồn nhân lực của tỉnh được nâng cao toàn diện về kỹ năng số, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh chuyển đổi số.</li> <li>- Trường Cao đẳng nghề An Giang trở thành một mô hình điểu về “trường nghề số”, đi đầu trong việc ứng dụng công nghệ để nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.</li> <li>- Thúc đẩy mạnh mẽ mối liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, góp phần nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) của tỉnh.</li> </ul>	
11	<p>Xây dựng mô hình số cấu trúc địa chất nền 3D tích hợp AI-BigData phục vụ quy hoạch, thiết kế và quản lý hạ tầng thủy lợi, giao thông và</p>	<p>Xây dựng mô hình số 3D tích hợp dữ liệu địa chất – địa kỹ thuật – địa chất thủy văn tỉnh An Giang, ứng dụng AI và Big Data để mô phỏng, phân tích và hỗ trợ quyết định cho quy hoạch, thiết kế, thẩm định, quản lý hạ tầng theo hướng chuyển đổi số</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ cơ sở dữ liệu (geodatabase) địa chất – địa kỹ thuật – thủy văn tỉnh An Giang (chuẩn hóa, định dạng mở).</li> <li>- Mô hình 3D cấu trúc địa chất – địa chất thủy văn (tương tác, độ sâu đến 100 m).</li> <li>- Bản sao số nền địa chất, kết nối dữ liệu– giám</li> </ul>	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường</p>

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt	Đơn vị chủ trì đề xuất
	đô thị tỉnh An Giang	bền vững.	<p>sát động.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản đồ phân vùng nền yếu, nguy cơ sụt lún – sạt lở.</li> <li>- Nền tảng WebGIS/3D dashboard tích hợp và bộ API chia sẻ dữ liệu cho Sở/ngành.</li> </ul>	
12	Phát triển các mô hình sinh kế bền vững, thông minh với khí hậu cho người dân vùng ven biển và vùng bị ảnh hưởng bởi hạn mặn.	<p><b>1. Mục tiêu tổng quát:</b></p> <p>Phát triển cơ sở khoa học và thực tiễn cho mô hình sinh kế bền vững, thông minh với khí hậu cho người dân vùng ven biển và vùng bị ảnh hưởng bởi hạn mặn; góp phần nâng cao thu nhập, bảo đảm an sinh xã hội và tăng khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu.</p> <p><b>2. Mục tiêu cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá hiện trạng kinh tế – xã hội, sinh kế, tổn thương do hạn mặn.</li> <li>- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá mô hình sinh kế thông minh với khí hậu.</li> <li>- Đề xuất 3 mô hình sinh kế bền vững, thông minh với khí hậu.</li> <li>- Thử nghiệm và đánh giá hiệu quả tối thiểu 2 mô hình tại cộng đồng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá được hiện trạng sinh kế, tổn thương và các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thích ứng của cộng đồng vùng ven biển và vùng hạn mặn.</li> <li>- Cơ sở khoa học và thực tiễn về các mô hình sinh kế bền vững, thông minh với khí hậu trên thế giới và tại Việt Nam.</li> <li>- Các mô hình sinh kế bền vững, thông minh với khí hậu phù hợp điều kiện địa phương.</li> <li>- Đánh giá được hiệu quả, hoàn thiện mô hình và đề xuất phương án nhân rộng.</li> <li>- Bộ cơ sở dữ liệu và hệ thống hỗ trợ ra quyết định sinh kế thông minh với khí hậu.</li> </ul>	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt	Đơn vị chủ trì đề xuất
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn, cơ sở dữ liệu và kế hoạch nhân rộng mô hình.</li> </ul>		
13	<p>Xây dựng hệ thống quan trắc và cảnh báo sớm ô nhiễm môi trường biển tại tỉnh An Giang</p>	<p><b>1. Mục tiêu chung:</b>            Xây dựng hệ thống quan trắc và cảnh báo sớm ô nhiễm môi trường biển dựa trên công nghệ sẵn có, dễ vận hành, chi phí hợp lý, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tỉnh An Giang</p> <p><b>2. Mục tiêu cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá hiện trạng môi trường biển tỉnh An Giang mới sau sáp nhập, xác định các khu vực ưu tiên quan trắc.</li> <li>- Xây dựng bộ chỉ tiêu quan trắc và các ngưỡng cảnh báo ô nhiễm phù hợp điều kiện địa phương.</li> <li>- Lắp đặt và vận hành thử nghiệm 03 trạm quan trắc tự động sử dụng công nghệ thân thiện, sẵn có trên thị trường.</li> <li>- Xây dựng nền tảng dữ liệu quan trắc tích hợp GIS và mô-đun cảnh báo sớm bằng thuật toán thống kê kết hợp mô hình học máy đơn giản.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều tra, khảo sát hiện trạng môi trường biển và nhu cầu cảnh báo sớm tại tỉnh An Giang.</li> <li>- Thiết kế cấu trúc tổng thể hệ thống quan trắc và cảnh báo sớm ô nhiễm môi trường biển.</li> <li>- Xây dựng, lắp đặt và vận hành thử nghiệm hệ thống quan trắc – cảnh báo sớm.</li> <li>- Xây dựng mô hình dự báo và bộ tiêu chí ra quyết định cảnh báo sớm.</li> <li>- Đào tạo, chuyển giao công nghệ, hoàn thiện quy trình và đề xuất chính sách quản lý môi trường biển.</li> </ul>	<p>Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường</p>

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt	Đơn vị chủ trì đề xuất
		- Xây dựng và chuyển giao quy trình vận hành, bảo trì hệ thống, đào tạo nhân lực địa phương.		
14	Ứng dụng công nghệ AI và IoT trong dự báo sâu bệnh sớm và điều tiết tưới tiêu tự động cho canh tác lúa chất lượng cao trên địa bàn tỉnh An Giang	Giảm 20% lượng phân bón, thuốc BVTV; tăng năng suất thông qua cảnh báo chính xác bằng AI.	Hệ thống trạm quan trắc IoT; Thuật toán AI chẩn đoán bệnh qua hình ảnh; Quy trình canh tác lúa chất lượng cao và phát thải thấp.	Trung tâm Khuyến nông
15	Nâng cao hiệu quả kinh tế biên mậu ở tỉnh An Giang đến năm 2045	<p><b>Mục tiêu chung:</b> Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ cho phát triển kinh tế biên mậu tỉnh An Giang và đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả kinh tế biên mậu ở tỉnh An Giang đến năm 2045.</p> <p><b>Mục tiêu cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định một cách đầy đủ và có hệ thống thực trạng, tiềm năng phát triển kinh tế biên mậu của tỉnh An Giang.</li> <li>- Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế biên mậu ở tỉnh An Giang đến</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả khảo sát tình hình phát triển kinh tế biên mậu của Tỉnh thời gian qua.</li> <li>- Báo cáo khoa học của đề tài: Báo cáo tổng hợp khoảng 250-300 trang, trình bày toàn diện kết quả nghiên cứu và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế biên mậu ở tỉnh An Giang đến năm 2045.</li> <li>- Bộ khuyến nghị chính sách: Tập hợp các giải pháp gửi UBND tỉnh và sở ngành về giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế biên mậu ở tỉnh An Giang đến năm 2045</li> </ul>	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt	Đơn vị chủ trì đề xuất
		<p>năm 2045.</p> <p>- Hoàn thiện báo cáo khoa học tổng hợp, báo cáo tóm tắt và bộ khuyến nghị chính sách dành cho UBND tỉnh, Sở KH&amp;CN và các sở, ngành có liên quan. Sản phẩm báo cáo sẽ cung cấp cơ sở khoa học phục vụ công tác quy hoạch, điều hành chính sách, lựa chọn giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế biên mậu ở tỉnh An Giang đến năm 2045.</p>		
16	Phát triển du lịch bền vững tỉnh An Giang trong mỗi liên kết vùng với các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2045	<p><b>Mục tiêu chung:</b> Xây dựng hệ thống luận cứ khoa học, thực tiễn và mô hình thực nghiệm nhằm đề xuất các giải pháp khả thi, chiến lược và có tính dài hạn để phát triển du lịch bền vững tỉnh An Giang trong mỗi liên kết vùng với các tỉnh ĐBSCL đến năm 2045.</p> <p><b>Mục tiêu cụ thể:</b></p> <p>- Đánh giá toàn diện thực trạng liên kết du lịch của An Giang giai đoạn 2020-2025.</p> <p>- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá thực trạng phát triển du lịch bền vững tỉnh An</p>	<p>- Báo cáo kết quả thực nghiệm mô hình: Báo cáo kết quả sau 01 năm thực nghiệm mô hình về phát triển du lịch bền vững tỉnh An Giang trong mỗi liên kết vùng với các tỉnh ĐBSCL, làm cơ sở để nhân rộng mô hình.</p> <p>- Báo cáo khoa học của đề tài: Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu về phát triển du lịch bền vững tỉnh An Giang trong mỗi liên kết vùng với các tỉnh ĐBSCL đến năm 2045 dài khoảng 150-200 trang, bao gồm hệ thống luận cứ, bộ tiêu chí đánh giá, mô hình liên kết, các giải pháp chiến lược và kiến nghị chính sách, với những giải pháp cụ thể để ứng dụng trong</p>	Trưởng Chính trị Tôn Đức Thắng

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt	Đơn vị chủ trì đề xuất
		<p>Giang trong mỗi liên kết du lịch liên tỉnh phù hợp điều kiện của An Giang và vùng ĐBSCL.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng và thực nghiệm mô hình liên kết phát triển du lịch trong ít nhất 01 tiểu vùng hoặc 01 tuyến du lịch liên tỉnh trọng điểm.</li> <li>- Đề xuất nhóm giải pháp chiến lược, đồng bộ và có tính khả thi cao đến năm 2045.</li> <li>- Đóng góp luận cứ để UBND tỉnh ban hành kế hoạch, chương trình hành động về phát triển du lịch giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2045.</li> </ul>	<p>việc phát triển du lịch bền vững tỉnh An Giang trong mỗi liên kết vùng với các tỉnh ĐBSCL trong thời gian tới.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ tiêu chí đánh giá liên kết du lịch tỉnh An Giang (dự kiến 25-30 tiêu chí).</li> <li>- Đề xuất triển khai 01 mô hình liên kết du lịch có khả năng ứng dụng thực tiễn.</li> <li>- Tối thiểu 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.</li> <li>- Sản phẩm chuyển giao cho UBND tỉnh, Sở Du lịch, các xã, phường, đặc khu, hiệp hội du lịch...</li> </ul>	
17	Giải pháp phát triển chuỗi logistics phục vụ xuất khẩu hàng nông - thủy sản qua các cửa khẩu biên giới đất liền thuộc tỉnh An Giang	<p><b>1. Mục tiêu chung:</b> Đề xuất giải pháp phát triển chuỗi logistics phục vụ xuất khẩu hàng nông - thủy sản qua các cửa khẩu biên giới đất liền thuộc tỉnh An Giang.</p> <p><b>2. Mục tiêu cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá thực trạng và xác định các điểm nghẽn chính trong chuỗi logistics</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 báo cáo tổng hợp và 04 báo cáo chuyên đề;</li> <li>- 02 mô hình chuỗi logistics tối ưu cho nông sản và thủy sản mặt biên (bản vẽ + phần mềm mô phỏng);</li> <li>- Ít nhất 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước;</li> <li>- Luận cứ khoa học để tính trình đầu tư 02 trung tâm logistics cửa khẩu giai đoạn 2027-</li> </ul>	Đại học Cần Thơ

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt	Đơn vị chủ trì đề xuất
		<p>phục vụ xuất khẩu hàng nông - thủy sản;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất mô hình chuỗi logistics tích hợp công nghệ cao (CAS, IoT, blockchain, kho lạnh thông minh, thông quan điện tử);</li> <li>- Xây dựng các luận cứ khoa học để lập dự án đầu tư trung tâm logistics cửa khẩu trên địa bàn.</li> </ul>	<p>2030.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đào tạo 02 học viên cao học</li> </ul>	
18	<p>Nghiên cứu phát triển các mô hình sinh kế bền vững, thông minh với khí hậu cho người dân vùng ven biển và vùng bị ảnh hưởng bởi hạn mặn tỉnh An Giang</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu, đánh giá tổng hợp điều kiện tài nguyên thiên nhiên, thực trạng sinh kế và rủi ro khí hậu, từ đó xây dựng bản đồ phân vùng thích nghi sinh kế;</li> <li>- Nghiên cứu, đề xuất được một bộ các mô hình sinh kế bền vững dựa trên việc kế thừa các mô hình bản địa hiệu quả, chọn lọc các mô hình thành công từ nơi khác và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ;</li> <li>- Xây dựng và vận hành thành công được các mô hình thí điểm tại các khu vực đại diện để kiểm chứng hiệu quả các giải pháp đã đề xuất;</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Báo cáo tổng quan cơ sở lý luận, kinh nghiệm thực tiễn và phân tích bối cảnh chính sách: Hệ thống hóa được cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về các mô hình sinh kế thích ứng; phân tích, chỉ ra được các khoảng trống khoa học và các rào cản chính sách cần giải quyết. Báo cáo được trình bày khoa học, logic.</li> <li>2. Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát và đánh giá hiện trạng tài nguyên, sinh kế và các rủi ro do hạn mặn: Phân tích, lượng hóa và đánh giá được một cách toàn diện hiện trạng về tài nguyên, các mô hình sinh kế, các rủi ro và nhu cầu chuyển đổi của người dân; kèm theo bộ số liệu đã được xử lý từ kết quả khảo sát thực địa.</li> <li>3. Báo cáo phân tích cơ sở khoa học và thuyết</li> </ol>	<p>Viện Khoa học sự sống – Viện Hàn lâm Khoa học &amp; Công nghệ Việt Nam</p>

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt	Đơn vị chủ trì đề xuất
		<p>- Xây dựng được các bộ tài liệu hướng dẫn kỹ thuật và đề xuất được các cơ chế, chính sách cụ thể để hỗ trợ việc nhân rộng các mô hình thành công</p>	<p>minh các giải pháp kỹ thuật, công nghệ cho các mô hình sinh kế đề xuất: Trình bày, thuyết minh được các bộ giải pháp tích hợp (giống, kỹ thuật canh tác, công nghệ...) chi tiết, khả thi, phù hợp với từng tiểu vùng sinh thái đã được phân vùng trong bản đồ.</p> <p>4. Báo cáo đánh giá hiệu quả tổng hợp (kỹ thuật, môi trường, kinh tế-xã hội) của các mô hình thí điểm: Phân tích, đánh giá được một cách toàn diện hiệu quả đa mục tiêu của các giải pháp, dựa trên việc đối chiếu kết quả quan trắc thực tế từ các mô hình thí điểm; lựa chọn được các mô hình ưu việt, có khả năng nhân rộng.</p> <p>5. Dự thảo Khung chính sách và Lộ trình nhân rộng các mô hình sinh kế thành công: Đề xuất được một cách có hệ thống các cơ chế, chính sách (về tín dụng, bảo hiểm, liên kết chuỗi giá trị...) khả thi và phù hợp với bối cảnh pháp lý hiện hành; xác định rõ vai trò của các bên liên quan.</p> <p>6. “Sổ tay Hướng dẫn kỹ thuật” về các mô hình sinh kế bền vững, thông minh với khí hậu: Bộ</p>	

TT	Tên bài toán lớn	Cơ sở, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt	Đơn vị chủ trì đề xuất
			<p>sổ tay được biên soạn rõ ràng, dễ hiểu, bao gồm các hướng dẫn chi tiết về quy trình kỹ thuật, quản lý cho từng mô hình, có thể áp dụng rộng rãi cho người dân và cán bộ khuyến nông.</p> <p>7. Bộ cơ sở dữ liệu GIS, số liệu điều tra, khảo sát về tài nguyên, sinh kế và rủi ro hạn mặn: Dữ liệu được số hóa (định dạng shapefile, geodatabase...), hệ thống hóa, có độ tin cậy, được mô tả chi tiết (metadata) và sẵn sàng cho việc sử dụng, tra cứu.</p> <p>8. Bộ Atlas bản đồ số về phân vùng thích nghi sinh kế: Bao gồm đầy đủ các bản đồ chuyên đề (bản đồ rủi ro hạn mặn, bản đồ phân vùng thích nghi); được thành lập theo đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; thể hiện trực quan, chính xác các vùng phù hợp cho từng loại hình sinh kế.</p> <p>9. Mô hình thí điểm (03 mô hình): Các mô hình sinh kế bền vững, thông minh với khí hậu ứng dụng thực tế: Quy mô áp dụng tại 3 vị trí được lựa chọn bao gồm mô hình sinh kế bản địa, mô hình sinh kế bên ngoài, mô hình nông nghiệp công nghệ cao; Tích hợp đầy đủ các cấu phần (giống, kỹ thuật, sinh kế); Mô hình hoạt động</p>	

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt	Đơn vị chủ trì đề xuất
			<p>ổn định, các chỉ số hiệu quả (năng suất, thu nhập, hiệu quả sử dụng nước...) được quan trắc và đáp ứng mục tiêu thiết kế.</p> <p>10. Công bố 02 bài trên các tạp chí khoa học trong danh mục của Hội đồng Giáo sư</p> <p>11. Đào tạo: Đào tạo 01 thạc sĩ</p> <p>12. Tập huấn kỹ thuật: 02 lớp tập huấn/hội thảo chuyên giao công nghệ.</p>	
19	<p>Giải pháp đẩy mạnh khai thác các sản phẩm tiềm năng, lợi thế phục vụ cho sự phát triển đột phá của tỉnh An Giang đến năm 2045.</p>	<p><b>Mục tiêu chung:</b> Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn nhằm xác định hệ thống sản phẩm tiềm năng - lợi thế của tỉnh An Giang, phân tích khả năng phát triển theo chuỗi giá trị và đề xuất giải pháp đột phá để khai thác các sản phẩm này phục vụ phát triển nhanh và bền vững đến năm 2045.</p> <p><b>Mục tiêu cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định một cách đầy đủ và có hệ thống nhóm sản phẩm tiềm năng của tỉnh theo ba giai đoạn: ngắn hạn (2025 - 2030), trung hạn (2030 - 2035) và dài hạn (2035 - 2045). Việc phân định theo từng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả mô hình thí điểm: Báo cáo kết quả triển khai 01 mô hình thí điểm khai thác sản phẩm tiềm năng, làm cơ sở đánh giá hiệu quả và khả năng nhân rộng trong thực tiễn.</li> <li>- Báo cáo khoa học của đề tài: Báo cáo tổng hợp khoảng 250-300 trang, trình bày toàn diện kết quả nghiên cứu và đề xuất giải pháp khai thác sản phẩm tiềm năng - lợi thế phục vụ phát triển tỉnh đến năm 2045.</li> <li>- Bộ tiêu chí đánh giá sản phẩm: Bộ tiêu chí xác định và xếp loại sản phẩm tiềm năng, lợi thế của tỉnh, áp dụng cho các giai đoạn 2025 - 2030, 2030 - 2035 và 2035 - 2045.</li> <li>- Danh mục 12-20 sản phẩm tiềm năng: Hệ</li> </ul>	<p>Trường Chính trị Tôn Đức Thắng</p>

TT	Tên bài toán lớn	Cơ sở, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt	Đơn vị chủ trì đề xuất
		<p>giai đoạn cho phép nhận diện chính xác các sản phẩm có thể phát triển ngay, những sản phẩm cần củng cố chuỗi giá trị trước khi mở rộng, cũng như những sản phẩm chiến lược có khả năng tạo đột phá và dẫn dắt thị trường trong tương lai.</p> <p>- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá sản phẩm tiềm năng dựa trên lợi thế cạnh tranh động và xu thế phát triển của thị trường trong bối cảnh chuyển đổi số và kinh tế xanh. Bộ tiêu chí bao gồm các nhóm tiêu chí về nguồn lực tự nhiên - sinh thái, giá trị văn hóa - xã hội, khả năng ứng dụng công nghệ, khả năng mở rộng thị trường, mức độ liên kết vùng và tiềm năng phát triển thành chuỗi ngành hàng hiện đại. Bộ tiêu chí này sẽ là nền tảng quan trọng giúp tỉnh lựa chọn đúng các sản phẩm ưu tiên để đầu tư và phát triển.</p> <p>- Tiến hành phân tích chuỗi giá trị của từng nhóm sản phẩm chủ lực và đặc thù, từ khâu đầu vào (nguyên liệu, công nghệ, lao động) đến sản xuất, chế biến, logistics</p>	<p>thống các sản phẩm được lựa chọn theo lợi thế cạnh tranh, tiềm năng thị trường và định hướng phát triển của tỉnh.</p> <p>- Bộ khuyến nghị chính sách: Tập hợp các giải pháp gửi UBND tỉnh và sở ngành về khai thác sản phẩm tiềm năng, phát triển chuỗi giá trị, liên kết vùng và đầu tư dài hạn.</p>	

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt	Đơn vị chủ trì đề xuất
		<p>và thị trường tiêu thụ. Trên cơ sở đó, nhiệm vụ xác định các điểm nghẽn, hạn chế và đề xuất các giải pháp nâng cấp chuỗi giá trị thông qua ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và liên kết giữa doanh nghiệp - hợp tác xã - nông dân.</p> <p>- Đề xuất các mô hình khai thác sản phẩm tiềm năng, cùng hệ thống chính sách và chiến lược đầu tư phát triển đến năm 2045. Các mô hình và chính sách tập trung vào khai thác hiệu quả các tiểu vùng của tỉnh (núi - đồng bằng - ven biển sau sáp nhập), thúc đẩy công nghiệp chế biến, phát triển logistics, mở rộng liên kết vùng và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm theo hướng hội nhập và bền vững.</p> <p>- Xây dựng một mô hình thí điểm về khai thác sản phẩm tiềm năng trong các lĩnh vực như nông nghiệp công nghệ cao, du lịch sinh thái - văn hóa hoặc dược liệu bản địa, trên cơ sở lựa chọn tiểu vùng có ưu thế nổi bật. Mô hình thí điểm nhằm</p>		

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt	Đơn vị chủ trì đề xuất
		<p>kiểm chứng tính khả thi của các giải pháp đề xuất, qua đó tạo cơ sở thực tiễn cho việc nhân rộng trong giai đoạn tiếp theo.</p> <p>- Hoàn thiện báo cáo khoa học tổng hợp, báo cáo tóm tắt và bộ khuyến nghị chính sách dành cho UBND tỉnh, Sở KH&amp;CN và các sở, ngành có liên quan. Sản phẩm báo cáo sẽ cung cấp cơ sở khoa học phục vụ công tác quy hoạch, điều hành chính sách, lựa chọn ngành hàng ưu tiên và định hướng đầu tư phát triển đến năm 2045.</p>		
20	<p>Xây dựng hoàn thiện trực dữ liệu liên thông của ngành giáo dục tỉnh An Giang</p>	<p>- Nghị quyết số 281/NQ-CP, ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 71 NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;</p> <p>- Chương trình hành động số 04-CTr/TU thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;</p> <p>- Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 11/11/2025 của UBND tỉnh về thực hiện</p>	<p>- Hoàn thiện trực tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của ngành giáo dục, kết nối đồng bộ với trực LGSP của tỉnh.</p> <p>- 100% hệ thống phần mềm ngành (quản lý trường học, học sinh, giáo viên, thi cử, văn bằng...) được kết nối, liên thông dữ liệu.</p> <p>- Xây dựng kho dữ liệu dùng chung ngành giáo dục (Data Warehouse) phục vụ khai thác, phân tích.</p> <p>- Áp dụng chuẩn kết nối API, chuẩn dữ liệu mở,</p>	<p>Sở Giáo dục và Đào tạo</p>

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt	Đơn vị chủ trì đề xuất
		<p>Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh An Giang;</p> <p>- Kế hoạch số 1056/KH-SGDĐT ngày 27/02/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về thực hiện Kế hoạch số 185/KH UBND ngày 11/11/2025 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>	<p>đảm bảo khả năng mở rộng, tích hợp lâu dài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% dữ liệu học sinh, giáo viên, cơ sở giáo dục toàn tỉnh.</li> <li>- Dữ liệu văn bằng, chứng chỉ (từ 1985–nay) được số hóa, tích hợp vào hệ thống.</li> <li>- Hình thành hồ sơ số giáo dục cho mỗi học sinh, giáo viên.</li> </ul>	

## PHỤ LỤC 2

### Danh mục các bài toán lớn ưu tiên tổ chức đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

(Đính kèm Thông báo số /TB-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh An Giang)

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt
1	Hình thành trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của tỉnh, từng bước trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo của vùng tây nam bộ	<p>- Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025, Điều 48, khoản 2 và 3 xác định rõ: Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo là tổ chức sự nghiệp công lập, có chức năng cung cấp dịch vụ khoa học và công nghệ, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.</p> <p>- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, nhấn mạnh yêu cầu xây dựng các tổ chức nghiên cứu, thử nghiệm, tổ chức đầu mối thúc đẩy đổi mới sáng tạo cấp vùng, cấp tỉnh.</p>	Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo An Giang được thành lập; có chức năng tổ chức triển khai các hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh; thực hiện hoạt động ươm tạo, đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp; thông tin, truyền thông, xuất bản khoa học và công nghệ; cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật.
2	Đẩy mạnh công nghiệp chế biến nông sản, chế biến sâu, đa dạng hoá sản phẩm, sản phẩm giá trị gia tăng gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm An Giang; ưu tiên đổi mới các sản phẩm chủ lực (lúa	Căn cứ các Luật: Luật Công nghệ cao, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ, Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát	Phát triển công nghiệp chế biến nông sản hiện đại, đáp ứng nhu cầu thị trường tiêu thụ trong nước và quốc tế, đưa sản phẩm chế biến từ nông sản tỉnh đạt chất lượng, đủ năng lực cạnh tranh với hàng ngoại và hội nhập chuỗi giá trị nông sản

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt
	<p>gạo, thủy sản, cây ăn trái, rau màu) và nhóm ngành tiềm năng (dược liệu, chăn nuôi).</p>	<p>triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia,</p> <p>Căn cứ Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân,</p> <p>Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050,</p> <p>Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp,</p> <p>Căn cứ Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050,</p> <p>Tỉnh An Giang là một trong những địa phương sản xuất nông nghiệp hàng đầu ở Đồng bằng Sông Cửu Long và trọng điểm của cả nước nhờ lợi thế về điều kiện tự nhiên và kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp, đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong phát triển nông nghiệp, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội địa phương, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và hội nhập quốc tế. Tỉnh</p>	<p>toàn cầu; góp phần thực hiện mục tiêu phấn đấu đến năm 2030, Việt Nam trở thành trung tâm chế biến nông sản và đứng trong top 10 nước hàng đầu thế giới. Tăng tỉ lệ sản lượng nông sản An Giang được sơ chế, bảo quản, chế biến thành các dạng sản phẩm chức năng, sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Xây dựng Danh mục các dự án ưu tiên mời gọi đầu tư về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến nông sản đã có rà soát hiệu chỉnh bổ sung theo các quy định hiện hành, bao gồm các cơ chế ưu đãi có tính đặc thù nhằm thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển các khu, cụm công nghiệp sinh thái gắn với vùng nguyên liệu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, vùng nguyên liệu tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng, hiệu quả, đáp ứng các tiêu chuẩn thị trường trong nước và phục vụ xuất khẩu. Hình thành các trung tâm chế biến lúa gạo, thủy sản hiện đại gắn với vùng sản xuất tập trung đóng vai trò đầu tàu dẫn dắt tham gia sâu vào chuỗi giá trị nông sản khu vực, toàn cầu. Đầu tư phát triển các trung tâm sơ chế, đóng gói, kho lạnh gắn với vùng rau màu, cây ăn trái; các khu chế biến, xuất khẩu thủy sản gắn với vùng nuôi trồng thủy sản chủ lực; các nhà máy</p>

TT	Tên bài toán lớn	Cơ sở, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt
		<p>hiện đang tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh, giá trị cao, phát triển các vùng sản xuất tập trung gắn với công nghiệp chế biến, đẩy mạnh tiêu thụ trong nước và phục vụ xuất khẩu.</p> <p>Công nghiệp chế biến, chế tạo là trụ cột của ngành công nghiệp tỉnh, đóng góp trung bình xấp xỉ 80% tỷ trọng toàn ngành công nghiệp, trong đó sản xuất, chế biến nông sản, thực phẩm đồ uống là nhóm ngành ổn định nhất. Các mặt hàng tiêu biểu của tỉnh là gạo, thủy hải sản đông lạnh (cá tra phi lê đông lạnh, tôm đông lạnh, mực đông lạnh, thủy hải sản khác), nước mắm,... có mức tăng trưởng tốt hàng năm. Ở tỉnh hiện có khoảng 12 doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu nông sản, 105 nhà máy chế biến nông sản, thực phẩm, 11 khu công nghiệp nhưng chưa có khu công nghiệp chế biến nông sản tập trung.</p> <p>Thực hiện Chương trình hành động số 06-Ctr/TU ngày 13/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030, Chương trình số 10-Ctr/TU ngày 19/12/2025 của Tỉnh ủy về công tác toàn khóa của Ban Chấp hành</p>	<p>giết mổ, gia súc, gia cầm tập trung gắn với các vùng nuôi, trang trại nuôi đạt chuẩn. Nghiên cứu, xác lập danh mục các sản phẩm chủ lực ưu tiên đầu tư chế biến sâu, tập trung vào các nhóm sản phẩm có lợi thế cạnh tranh của tỉnh, đặc biệt là gạo, hồ tiêu, tôm nước lợ, cá tra, đồng thời phát triển công nghiệp chế biến, chế biến sâu các sản phẩm thế mạnh, đặc thù, sản phẩm làng nghề truyền thống nhằm đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng cho nông sản. Ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đầu tư phát triển công nghiệp chế biến bột (gạo, ngũ cốc, rau củ), rau quả sấy, nước ép, công nghiệp sản xuất mì sợi, mì ống và sản phẩm tương tự, công nghiệp sản xuất bơ, dầu thực vật, công nghiệp sản xuất mì chính, thủy sản tinh chế, thực phẩm đóng gói, sản phẩm ăn liền, công nghiệp sản xuất sữa, đồ uống chiết xuất từ nông sản, công nghiệp chế biến khẩu phần thức ăn sẵn, công nghiệp chế biến gia vị, công nghiệp sản xuất sản phẩm giàu hoạt chất chức năng, công nghiệp chế biến thủy sản đại dương, công nghiệp chiết xuất hoạt chất chức năng chế biến sản phẩm chăm sóc sức khỏe từ nông sản, dược liệu đặc hữu, đặc thù của tỉnh. Xây dựng và đưa vào áp dụng các</p>

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt
		<p>Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2025-2030, tỉnh đang đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sạch, gắn với công nghiệp chế biến, chế tạo, hướng đến mục tiêu phấn đấu đưa An Giang trở thành trung tâm sản xuất, chế biến và giao thương sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và trọng điểm của cả nước</p>	<p>gói hỗ trợ tài chính, kỹ thuật, thị trường tập trung vào chuyển giao quy trình, kỹ thuật, dây chuyền sản xuất, trang thiết bị công nghệ cao, công nghệ mới nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp sơ chế, bảo quản, chế biến nông sản xuất khẩu. Xây dựng các bộ sản phẩm mẫu từ nông sản chủ lực tỉnh An Giang phục vụ công tác quảng bá xúc tiến thương mại, mời gọi hợp tác đầu tư, chuyển giao khoa học và công nghệ. Phấn đấu đạt mục tiêu Giá trị sản xuất công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm tăng bình quân 8-10%/năm trong giai đoạn 2026 - 2030 và tiếp tục giữ vai trò dẫn dắt phát triển nông nghiệp hiện đại đến năm 2040; tỷ lệ nông sản chủ lực được chế biến sâu đến năm 2030 đạt trên 30%, đến năm 2040 đạt 60%.</p>
3	<p>Phát triển các mô hình sinh kế bền vững, thông minh với khí hậu cho người dân vùng ven biển và vùng bị ảnh hưởng bởi hạn mặn.</p>	<p><b>1. Mục tiêu tổng quát:</b></p> <p>Phát triển cơ sở khoa học và thực tiễn cho mô hình sinh kế bền vững, thông minh với khí hậu cho người dân vùng ven biển và vùng bị ảnh hưởng bởi hạn mặn; góp phần nâng cao thu nhập, bảo đảm an sinh xã hội và tăng khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu.</p> <p><b>2. Mục tiêu cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá hiện trạng kinh tế – xã hội, sinh kế,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá được hiện trạng sinh kế, tổn thương và các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thích ứng của cộng đồng vùng ven biển và vùng hạn mặn.</li> <li>- Cơ sở khoa học và thực tiễn về các mô hình sinh kế bền vững, thông minh với khí hậu trên thế giới và tại Việt Nam.</li> <li>- Các mô hình sinh kế bền vững, thông minh với khí hậu phù hợp điều kiện địa phương.</li> <li>- Đánh giá được hiệu quả, hoàn thiện mô hình và</li> </ul>

TT	Tên bài toán lớn	Cơ sở, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt
		<p>tổn thương do hạn mặn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá mô hình sinh kế thông minh với khí hậu.</li> <li>- Đề xuất 3 mô hình sinh kế bền vững, thông minh với khí hậu.</li> <li>- Thử nghiệm và đánh giá hiệu quả tối thiểu 2 mô hình tại cộng đồng.</li> <li>- Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn, cơ sở dữ liệu và kế hoạch nhân rộng mô hình.</li> </ul>	<p>đề xuất phương án nhân rộng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ cơ sở dữ liệu và hệ thống hỗ trợ ra quyết định sinh kế thông minh với khí hậu.</li> </ul>
4	<p>Ứng dụng công nghệ AI và IoT trong dự báo sâu bệnh sớm và điều tiết tưới tiêu tự động cho canh tác lúa lúa chất lượng cao trên địa bàn tỉnh An Giang</p>	<p>Giảm 20% lượng phân bón, thuốc BVTV; tăng năng suất thông qua cảnh báo chính xác bằng AI.</p>	<p>Hệ thống trạm quan trắc IoT; Thuật toán AI chẩn đoán bệnh qua hình ảnh; Quy trình canh tác lúa chất lượng cao và phát thải thấp.</p>
5	<p>Phát triển du lịch bền vững tỉnh An Giang trong mỗi liên kết vùng với các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2045</p>	<p><b>Mục tiêu chung:</b> Xây dựng hệ thống luận cứ khoa học, thực tiễn và mô hình thực nghiệm nhằm đề xuất các giải pháp khả thi, chiến lược và có tính dài hạn để phát triển du lịch bền vững tỉnh An Giang trong mỗi liên kết vùng với các tỉnh ĐBSCL đến năm 2045.</p> <p><b>Mục tiêu cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá toàn diện thực trạng liên kết du lịch của An Giang giai đoạn 2020-2025.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực nghiệm mô hình: Báo cáo kết quả sau 01 năm thực nghiệm mô hình về phát triển du lịch bền vững tỉnh An Giang trong mỗi liên kết vùng với các tỉnh ĐBSCL, làm cơ sở để nhân rộng mô hình.</li> <li>- Báo cáo khoa học của đề tài: Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu về phát triển du lịch bền vững tỉnh An Giang trong mỗi liên kết vùng với các tỉnh ĐBSCL đến năm 2045 dài khoảng 150-200</li> </ul>

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá thực trạng phát triển du lịch bền vững tỉnh An Giang trong mối liên kết du lịch liên tỉnh phù hợp điều kiện của An Giang và vùng ĐBSCL.</li> <li>- Xây dựng và thực nghiệm mô hình liên kết phát triển du lịch trong ít nhất 01 tiểu vùng hoặc 01 tuyến du lịch liên tỉnh trọng điểm.</li> <li>- Đề xuất nhóm giải pháp chiến lược, đồng bộ và có tính khả thi cao đến năm 2045.</li> <li>- Đóng góp luận cứ để UBND tỉnh ban hành kế hoạch, chương trình hành động về phát triển du lịch giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2045.</li> </ul>	<p>trang, bao gồm hệ thống luận cứ, bộ tiêu chí đánh giá, mô hình liên kết, các giải pháp chiến lược và kiến nghị chính sách, với những giải pháp cụ thể để ứng dụng trong việc phát triển du lịch bền vững tỉnh An Giang trong mối liên kết vùng với các tỉnh ĐBSCL trong thời gian tới.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ tiêu chí đánh giá liên kết du lịch tỉnh An Giang (dự kiến 25-30 tiêu chí).</li> <li>- Đề xuất triển khai 01 mô hình liên kết du lịch có khả năng ứng dụng thực tiễn.</li> <li>- Tối thiểu 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.</li> <li>- Sản phẩm chuyển giao cho UBND tỉnh, Sở Du lịch, các xã, phường, đặc khu, hiệp hội du lịch...</li> </ul>
6	Giải pháp đẩy mạnh khai thác các sản phẩm tiềm năng, lợi thế phục vụ cho sự phát triển đột phá của tỉnh An Giang đến năm 2045.	<p><b>Mục tiêu chung:</b> Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn nhằm xác định hệ thống sản phẩm tiềm năng - lợi thế của tỉnh An Giang, phân tích khả năng phát triển theo chuỗi giá trị và đề xuất giải pháp đột phá để khai thác các sản phẩm này phục vụ phát triển nhanh và bền vững đến năm 2045.</p> <p><b>Mục tiêu cụ thể:</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả mô hình thí điểm: Báo cáo kết quả triển khai 01 mô hình thí điểm khai thác sản phẩm tiềm năng, làm cơ sở đánh giá hiệu quả và khả năng nhân rộng trong thực tiễn.</li> <li>- Báo cáo khoa học của đề tài: Báo cáo tổng hợp khoảng 250-300 trang, trình bày toàn diện kết quả nghiên cứu và đề xuất giải pháp khai thác sản phẩm tiềm năng - lợi thế phục vụ phát triển tỉnh</li> </ul>

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt
		<p>- Xác định một cách đầy đủ và có hệ thống nhóm sản phẩm tiềm năng của tỉnh theo ba giai đoạn: ngắn hạn (2025 - 2030), trung hạn (2030 - 2035) và dài hạn (2035 - 2045). Việc phân định theo từng giai đoạn cho phép nhận diện chính xác các sản phẩm có thể phát triển ngay, những sản phẩm cần củng cố chuỗi giá trị trước khi mở rộng, cũng như những sản phẩm chiến lược có khả năng tạo đột phá và dẫn dắt thị trường trong tương lai.</p> <p>- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá sản phẩm tiềm năng dựa trên lợi thế cạnh tranh động và xu thế phát triển của thị trường trong bối cảnh chuyển đổi số và kinh tế xanh. Bộ tiêu chí bao gồm các nhóm tiêu chí về nguồn lực tự nhiên - sinh thái, giá trị văn hóa - xã hội, khả năng ứng dụng công nghệ, khả năng mở rộng thị trường, mức độ liên kết vùng và tiềm năng phát triển thành chuỗi ngành hàng hiện đại. Bộ tiêu chí này sẽ là nền tảng quan trọng giúp tỉnh lựa chọn đúng các sản phẩm ưu tiên để đầu tư và phát triển.</p> <p>- Tiến hành phân tích chuỗi giá trị của từng</p>	<p>đến năm 2045.</p> <p>- Bộ tiêu chí đánh giá sản phẩm: Bộ tiêu chí xác định và xếp loại sản phẩm tiềm năng, lợi thế của tỉnh, áp dụng cho các giai đoạn 2025 - 2030, 2030 - 2035 và 2035 - 2045.</p> <p>- Danh mục 12-20 sản phẩm tiềm năng: Hệ thống các sản phẩm được lựa chọn theo lợi thế cạnh tranh, tiềm năng thị trường và định hướng phát triển của tỉnh.</p> <p>- Bộ khuyến nghị chính sách: Tập hợp các giải pháp gửi UBND tỉnh và sở ngành về khai thác sản phẩm tiềm năng, phát triển chuỗi giá trị, liên kết vùng và đầu tư dài hạn.</p>

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt
		<p>nhóm sản phẩm chủ lực và đặc thù, từ khâu đầu vào (nguyên liệu, công nghệ, lao động) đến sản xuất, chế biến, logistics và thị trường tiêu thụ. Trên cơ sở đó, nhiệm vụ xác định các điểm nghẽn, hạn chế và đề xuất các giải pháp nâng cấp chuỗi giá trị thông qua ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và liên kết giữa doanh nghiệp - hợp tác xã - nông dân.</p> <p>- Đề xuất các mô hình khai thác sản phẩm tiềm năng, cùng hệ thống chính sách và chiến lược đầu tư phát triển đến năm 2045. Các mô hình và chính sách tập trung vào khai thác hiệu quả các tiểu vùng của tỉnh (núi - đồng bằng - ven biển sau sáp nhập), thúc đẩy công nghiệp chế biến, phát triển logistics, mở rộng liên kết vùng và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm theo hướng hội nhập và bền vững.</p> <p>- Xây dựng một mô hình thí điểm về khai thác sản phẩm tiềm năng trong các lĩnh vực như nông nghiệp công nghệ cao, du lịch sinh thái - văn hóa hoặc dược liệu bản địa, trên cơ sở lựa chọn tiểu vùng có ưu thế nổi bật. Mô hình thí</p>	

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt
		<p>điểm nhằm kiểm chứng tính khả thi của các giải pháp đề xuất, qua đó tạo cơ sở thực tiễn cho việc nhân rộng trong giai đoạn tiếp theo.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thiện báo cáo khoa học tổng hợp, báo cáo tóm tắt và bộ khuyến nghị chính sách dành cho UBND tỉnh, Sở KH&amp;CN và các sở, ngành có liên quan. Sản phẩm báo cáo sẽ cung cấp cơ sở khoa học phục vụ công tác quy hoạch, điều hành chính sách, lựa chọn ngành hàng ưu tiên và định hướng đầu tư phát triển đến năm 2045.</li> </ul>	
7	<p>Giải pháp phát triển chuỗi logistics phục vụ xuất khẩu hàng nông - thủy sản qua các cửa khẩu biên giới đất liền thuộc tỉnh An Giang</p>	<p><b>1. Mục tiêu chung:</b> Đề xuất giải pháp phát triển chuỗi logistics phục vụ xuất khẩu hàng nông - thủy sản qua các cửa khẩu biên giới đất liền thuộc tỉnh An Giang.</p> <p><b>2. Mục tiêu cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá thực trạng và xác định các điểm nghẽn chính trong chuỗi logistics phục vụ xuất khẩu hàng nông - thủy sản;</li> <li>- Đề xuất mô hình chuỗi logistics tích hợp công nghệ cao (CAS, IoT, blockchain, kho lạnh thông minh, thông quan điện tử);</li> <li>- Xây dựng các luận cứ khoa học để lập dự án đầu tư trung tâm logistics cửa khẩu trên địa</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 báo cáo tổng hợp và 04 báo cáo chuyên đề;</li> <li>- 02 mô hình chuỗi logistics tối ưu cho nông sản và thủy sản mậu biên (bản vẽ + phần mềm mô phỏng);</li> <li>- Ít nhất 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước;</li> <li>- Luận cứ khoa học để trình trình đầu tư 02 trung tâm logistics cửa khẩu giai đoạn 2027-2030.</li> <li>- Đào tạo 02 học viên cao học</li> </ul>

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt
		bàn.	
8	Phát triển nuôi biển ứng dụng công nghệ cao, bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế	<p>Căn cứ các Luật: Luật Biển Việt Nam, Luật Tài nguyên, Môi trường, Biển và Hải đảo,</p> <p>Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045,</p> <p>Căn cứ Kết luận số 81-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường,</p> <p>Căn cứ Nghị quyết số 1664/QĐ-TTg ngày 4 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ về Phê duyệt Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045,</p> <p>Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia,</p> <p>Căn cứ Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế</p>	<p>Đẩy mạnh hoạt động nuôi biển, cung cấp nguyên liệu phục vụ chế biến thủy sản xuất khẩu. Phát triển mô hình nuôi biển, xây dựng vùng nguyên liệu an toàn để thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển các mô hình nuôi tiên tiến như nuôi lồng bè ứng dụng công nghệ cao với thiết bị bay giám sát, neo tự động chống bão và cảm biến dưới nước theo dõi dòng chảy, nuôi ghép đa loài ngoài khơi kết hợp; ứng dụng các lồng nuôi có tính chống chịu với biến đổi khí hậu, tích hợp công nghệ thông minh dự báo thời tiết; ứng dụng công nghệ số theo dõi, giám sát môi trường biển, kiểm soát ô nhiễm, quản lý trại nuôi, truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Hình thành vùng nuôi biển tập trung, thu hút doanh nghiệp đầu tư hạ tầng ngoài khơi; thúc đẩy liên kết nuôi, bảo quản, chế biến, tiêu thụ phục vụ xuất khẩu. Hình thành các vùng nuôi biển ứng dụng công nghệ cao trên các đối tượng nuôi chủ yếu nuôi ngọc trai, cá bớp, cá mú, cá chim vây vàng và một số loài thủy sản khác; quy mô 248 ha tập trung ở khu vực biển thuộc Đặc khu Phú Quốc (khu phố Rạch Vẹm Gành Dầu, khu phố Chuông Vích Gành Dầu); quy</p>

TT	Tên bài toán lớn	Căn cứ, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt
		<p>tư nhân,</p> <p>Căn cứ Nghị quyết số 139/2024/QH15 ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050,</p> <p>Căn cứ Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050,</p> <p>Tỉnh An Giang sở hữu tài nguyên biển đa dạng, phong phú, ngư trường rộng lớn với hơn 63.000 km<sup>2</sup>. Nhiều năm qua, tỉnh tập trung đầu tư phát triển nuôi thủy sản lồng bè trên biển, nuôi nhuyễn thể vùng bãi triều, ven biển theo chiều sâu, nuôi biển công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao và nuôi sinh thái. Nhờ đó, nuôi biển đạt kết quả tăng trưởng ấn tượng, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất 14,3%/năm trong giai đoạn 2010-2019, nuôi lồng bè trên biển và nuôi nhuyễn thể (sò huyết, hến biển) mở rộng nhanh chóng, thu hút đầu tư quy mô công nghiệp lớn; số lượng lồng bè trên biển tăng liên tục, đến nay đạt 5.150 lồng, sản lượng 5.650 tấn, tập trung các xã đảo thuộc địa bàn Kiên Hải, Phú Quốc, Kiên Lương và Hà Tiên.</p>	<p>mô 151 tập trung ở khu vực biển thuộc khu phố Đường Bào Dương Tơ, Khu vực biển thuộc khu phố 2 An Thới và khu phố 5 An Thới; quy mô 510 ha tập trung ở khu vực biển xung quanh quần đảo Bà Lụa, khu vực biển các đảo thuộc xã Hòn Nghê, khu vực nuôi biển tại xã Tiên Hải, Khu vực nuôi biển thuộc quần đảo Nam Du (đặc khu Kiên Hải). Phát triển hạ tầng số phục vụ nuôi biển ứng dụng công nghệ cao; ứng dụng công nghệ viễn thám, hệ thống thông tin địa lý (GIS), IoT và dữ liệu môi trường biển trong giám sát điều kiện tự nhiên, an toàn vùng nuôi và hoạt động lồng bè. Xây dựng, tích hợp cơ sở dữ liệu số về không gian biển phục vụ công tác quy hoạch, quản lý vùng nuôi và cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển. Ứng dụng nền tảng số trong quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc, kết nối thị trường và nâng cao hiệu quả, tính bền vững của hoạt động nuôi biển. Xây dựng hệ thống sản xuất, cung ứng giống cá biển chất lượng cao; nghiên cứu phát triển đa dạng và nâng cao chất lượng giống thủy sản phục vụ cho phát triển nghề nuôi biển. Xây dựng và phát triển mạng lưới các cơ sở sản xuất giống nhân tạo đa dạng các loài thủy sản phục vụ phục hồi và phát triển nguồn lợi biển.</p>

TT	Tên bài toán lớn	Cơ sở, cơ sở đề xuất	Kết quả dự kiến cần đạt
		<p>Tuy nhiên, ngành nuôi biển đang đối mặt với thách thức nghiêm trọng về nguồn giống, trên địa bàn tỉnh hiện chưa có cơ sở sản xuất giống các đối tượng cá biển, gần như phụ thuộc hoàn toàn vào khai thác tự nhiên hoặc nhập khẩu từ các tỉnh khác và nước ngoài. Khả năng tiếp cận công nghệ, huy động nguồn vốn tổ chức sản xuất còn nhiều bất cập, lồng bè nuôi hầu hết theo kiểu truyền thống (vật liệu gỗ) dẫn đến rủi ro cao khi gặp điều kiện thời tiết bất lợi, tỷ lệ chuyển đổi từ lồng nuôi truyền thống (chất liệu gỗ) sang lồng nhựa HDPE còn thấp (khoảng 2,33%). Nuôi biển xa bờ chỉ mới đầu tư phát triển; hiệu quả nghề khai thác chưa cao, thiếu tính bền vững. Giá cả đầu ra của sản phẩm nuôi biển trên thị trường thường không ổn định. Chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ trong hoạt động nuôi biển trên địa bàn tỉnh thiếu bền vững. Các mắt xích trong chuỗi chưa được chặt chẽ; vùng nguyên liệu không tập trung. Trong khi đó, biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến nghề nuôi biển.</p> <p>Thực hiện Chương trình hành động số 06-Ctr/TU ngày 13/11/2025 của Ban Chấp hành</p>	<p>Xây dựng các mô hình nuôi biển gắn với các loại hình du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng ven biển. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cho các vùng nuôi tập trung; thiết lập hệ thống quan trắc môi trường, ứng dụng công nghệ dự báo, cảnh báo sớm thiên tai, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu tại các vùng nuôi. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ nuôi biển hiện đại, bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế. Thực hiện mục tiêu đến năm 2030, tỷ lệ áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số trong nuôi biển đạt trên 60%, góp phần thực hiện mục tiêu tổng thể đến năm 2030, kinh tế biển đóng góp từ mức 60% GRDP toàn tỉnh.</p>

<b>TT</b>	<b>Tên bài toán lớn</b>	<b>Căn cứ, cơ sở đề xuất</b>	<b>Kết quả dự kiến cần đạt</b>
		<p>Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030, Chương trình số 10-Ctr/TU ngày 19/12/2025 của Tỉnh ủy về công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2025-2030, tỉnh đang đẩy mạnh thực hiện Đề án phát triển An Giang thành trung tâm kinh tế biển quốc gia, trong đó nuôi biển là một trong các trụ cột quan trọng của kinh tế biển.</p>	